



**Tổng Công ty Cổ phần
Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn**

Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2022



Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thông tin về Tổng Công ty

**Giấy Chứng nhận Đăng ký
Doanh nghiệp Số**

0300583659

ngày 29 tháng 2 năm 2012

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tổng Công ty (“GCNĐKDN”) đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0300583659 ngày 13 tháng 2 năm 2023. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Koh Poh Tiong	Chủ tịch
Ông Pramoad Phornprapha	Thành viên
Ông Nguyễn Tiến Vy	Thành viên
Ông Michael Chye Hin Fah	Thành viên
Bà Trần Kim Nga	Thành viên
Ông Lê Thanh Tuấn	Thành viên
Bà Ngô Minh Châu	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Neo Gim Siong Bennett	Tổng Giám đốc
Ông Koo Liang Kwee	Phó Tổng Giám đốc
Bà Teoh Kim Wei	Phó Tổng Giám đốc
Ông Ng Kuan Ngee Melvyn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lâm Du An	Phó Tổng Giám đốc
	Giám đốc Nhà máy Bia Sài Gòn
	- Nguyễn Chí Thanh

Ủy ban Kiểm toán

Ông Pramoad Phornprapha	Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán
Ông Nguyễn Tiến Vy	Thành viên
Ông Michael Chye Hin Fah	Thành viên

**Người đại diện theo
pháp luật**

Ông Koh Poh Tiong	Chủ tịch
Ông Neo Gim Siong Bennett	Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Số 187, Đường Nguyễn Chí Thanh
Phường 12, Quận 5
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn **Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 62 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc 

Neo Gim Siang Bennett
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2023



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn ("Tổng Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 29 tháng 3 năm 2023, được trình bày từ trang 5 đến trang 62.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam

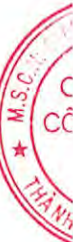
Báo cáo kiểm toán số: 22-01-00348-23-3



Nelson Rodriguez Casihan
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2225-2023-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Chang Hung Chun
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0863-2023-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2023



Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		23.225.562.528.592	20.009.862.784.505
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	2.924.304.281.432	2.611.792.885.629
Tiền	111		181.904.281.432	91.792.885.629
Các khoản tương đương tiền	112		2.742.400.000.000	2.520.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		18.127.450.000.000	16.211.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6(a)	18.127.450.000.000	16.211.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.363.384.214.889	771.967.844.932
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	768.163.629.107	216.896.685.146
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		32.496.219.822	8.498.629.359
Phải thu ngắn hạn khác	136	8(a)	839.955.099.503	870.408.040.557
Dự phòng phải thu khó đòi	137	9(a)	(277.230.733.543)	(323.835.510.130)
Hàng tồn kho	140	10(a)	614.003.265.077	318.407.089.213
Hàng tồn kho	141		638.862.258.889	346.164.192.220
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(24.858.993.812)	(27.757.103.007)
Tài sản ngắn hạn khác	150		196.420.767.194	96.694.964.731
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11(a)	120.103.413.490	59.188.031.592
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		55.744.504.730	12.464.531.235
Thuế phải thu Nhà nước	153	18(b)	20.572.848.974	25.042.401.904

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Tài sản dài hạn				
(200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		5.393.976.928.997	5.426.363.614.483
Các khoản phải thu dài hạn	210		389.741.219.423	317.605.589.874
Phải thu về cho vay dài hạn	215		50.000.000.000	4.000.000.000
Phải thu dài hạn khác	216	8(b)	347.741.219.423	346.474.469.779
Dự phòng phải thu khó đòi	219	9(b)	(8.000.000.000)	(32.868.879.905)
Tài sản cố định	220		1.255.441.067.596	1.372.102.664.799
Tài sản cố định hữu hình	221	12	407.699.420.104	519.922.692.044
Nguyên giá	222		3.664.673.326.794	3.659.599.957.414
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.256.973.906.690)	(3.139.677.265.370)
Tài sản cố định vô hình	227	13	847.741.647.492	852.179.972.755
Nguyên giá	228		982.485.975.769	982.085.975.769
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(134.744.328.277)	(129.906.003.014)
Bất động sản đầu tư	230	14	23.668.881.689	29.527.891.877
Nguyên giá	231		45.862.629.046	45.862.629.046
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(22.193.747.357)	(16.334.737.169)
Tài sản dở dang dài hạn	240		37.111.124.352	24.342.956.863
Xây dựng cơ bản dở dang	242	15	37.111.124.352	24.342.956.863
Đầu tư tài chính dài hạn	250		3.463.427.285.705	3.478.498.852.408
Đầu tư vào các công ty con	251	6(c)	2.877.202.995.029	2.837.212.995.029
Đầu tư vào các công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát	252	6(c)	613.705.350.635	613.705.350.635
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253	6(c)	569.372.362.407	569.372.362.407
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	6(c)	(596.853.422.366)	(562.660.735.568)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	6(b)	-	20.868.879.905
Tài sản dài hạn khác	260		224.587.350.232	204.285.658.662
Chi phí trả trước dài hạn	261	11(b)	64.769.684.770	65.456.582.932
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	16	146.905.104.810	126.655.453.828
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	10(b)	12.912.560.652	12.173.621.902
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		28.619.539.457.589	25.436.226.398.988

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		8.372.592.055.264	6.469.730.925.708
Nợ ngắn hạn	310		8.286.932.318.237	6.378.330.653.010
Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	4.296.905.191.970	3.459.074.140.936
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		10.348.280.028	12.729.716.548
Thuế phải nộp Nhà nước	313	18(a)	437.196.214.759	462.218.006.085
Phải trả người lao động	314		50.301.074.143	49.324.640.145
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	333.327.470.676	223.444.283.266
Phải trả ngắn hạn khác	319	20(a)	3.080.520.761.409	2.097.686.577.317
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	21	78.333.325.252	73.853.288.713
Nợ dài hạn	330		85.659.737.027	91.400.272.698
Phải trả dài hạn khác	337	20(b)	51.602.316.000	51.602.316.000
Dự phòng phải trả dài hạn	342	22	34.057.421.027	39.797.956.698
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		20.246.947.402.325	18.966.495.473.280
Vốn chủ sở hữu	410	23	20.246.947.402.325	18.966.495.473.280
Vốn cổ phần	411	24	6.412.811.860.000	6.412.811.860.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		6.412.811.860.000	6.412.811.860.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	25	760.819.802.040	760.819.802.040
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		13.073.315.740.285	11.792.863.811.240
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		8.586.457.881.240	8.212.067.039.040
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		4.486.857.859.045	3.580.796.772.200
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		28.619.539.457.589	25.436.226.398.988

Ngày 29 tháng 3 năm 2023

Người lập:

Người duyệt:






Nguyễn Văn Hòa Trần Nguyên Trung Koo Liang Kwee Neo Gum Siong Bennett
 Kế toán Kế toán trưởng Phó Tổng Giám đốc Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B 02 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2022 VND	2021 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	28	41.813.139.058.076	31.435.551.511.793
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	28	22.320.718.601	32.465.756.702
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	28	41.790.818.339.475	31.403.085.755.091
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	29	35.158.185.011.372	26.921.488.472.056
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		6.632.633.328.103	4.481.597.283.035
Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	3.049.588.425.447	2.824.549.493.438
Chi phí tài chính	22	31	69.375.202.181	(22.901.890.854)
Chi phí bán hàng	25	32	4.038.486.338.919	3.074.938.843.294
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	33	347.706.978.997	242.149.473.384
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		5.226.653.233.453	4.011.960.350.649
Thu nhập khác	31		1.385.783.906	75.326.057.345
Chi phí khác	32		8.143.366.231	3.062.823.083
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(6.757.582.325)	72.263.234.262
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		5.219.895.651.128	4.084.223.584.911
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	35	680.488.477.453	471.637.285.430
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	35	(20.249.650.982)	(21.366.232.103)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		4.559.656.824.657	3.633.952.531.584

Ngày 29 tháng 3 năm 2023

Người lập:

Người duyệt:

Nguyễn Văn Hòa
Kế toán

Trần Nguyên Trung
Kế toán trưởng

Koo Liang Kwee
Phó Tổng Giám đốc

Neo Gim Siong Bennett
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2022 VND	2021 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		5.219.895.651.128	4.084.223.584.911
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		131.744.441.825	142.625.121.959
Các khoản dự phòng	03		40.156.964.920	(65.464.967.602)
Lỗi/(lỗi) chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		70.968.249	(1.812.117.301)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(3.002.309.247.583)	(2.796.966.975.472)
Hoàn nhập quỹ phát triển khoa học và công nghệ	07		-	(73.817.939.085)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		2.389.558.778.539	1.288.786.707.410
Biến động các khoản phải thu	09		(600.999.179.157)	(70.369.420.502)
Biến động hàng tồn kho	10		(302.319.392.736)	62.135.018.085
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		928.804.882.837	1.107.019.550.966
Biến động chi phí trả trước	12		(57.253.866.167)	62.348.566.431
			2.357.791.223.316	2.449.920.422.390
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(706.067.142.891)	(450.125.220.241)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(39.443.069.552)	(48.598.679.752)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1.612.281.010.873	1.951.196.522.397

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

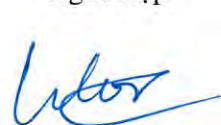
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2022 VND	2021 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21		(21.504.308.649)	(43.980.184.684)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22		2.329.406.722	-
Tiền chi cho vay và tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng	23		(20.652.450.000.000)	(17.018.000.000.000)
Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng	24		18.686.000.000.000	14.708.000.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(39.990.000.000)	-
Tiền thu từ thanh lý đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		-	409.861.993.444
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		2.970.368.397.529	2.578.141.211.708
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		944.753.495.602	634.023.020.468
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền chi trả cổ tức	36		(2.244.409.440.700)	(960.519.431.900)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(2.244.409.440.700)	(960.519.431.900)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		312.625.065.775	1.624.700.110.965
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		2.611.792.885.629	987.216.978.696
Ảnh hưởng thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61		(113.669.972)	(124.204.032)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	5	2.924.304.281.432	2.611.792.885.629

Ngày 29 tháng 3 năm 2023

Người lập:



Nguyễn Văn Hòa
Kế toán



Trần Nguyên Trung
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Koo Liang Kwee
Phó Tổng Giám đốc



Neo Gim Siong Bennett
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn (“Tổng Công ty”) được thành lập dưới hình thức Tổng Công ty Nhà nước theo Quyết định số 74/2003/QĐ-BCN do Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) ban hành ngày 6 tháng 5 năm 2003 trên cơ sở tổ chức lại Công ty Bia Sài Gòn và chuyển các đơn vị bao gồm Công ty Rượu Bình Tây, Công ty Nước Giải Khát Chương Dương và Công ty Thủy tinh Phú Thọ thành các đơn vị thành viên của Tổng Công ty. Vào ngày 11 tháng 5 năm 2004, Bộ trưởng Bộ Công nghiệp ban hành Quyết định số 37/2004/QĐ-BCN tái cơ cấu lại Tổng Công ty theo mô hình công ty mẹ - công ty con. Hoạt động của Tổng Công ty được cấp phép theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 4106000286 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 1 tháng 9 năm 2006.

Tổng Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 1862/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ và được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 4103010027 vào ngày 17 tháng 4 năm 2008. Tại ngày này, Tổng Công ty dưới hình thức là công ty cổ phần mới thành lập đã nhận bàn giao toàn bộ tài sản và nợ phải trả từ Tổng Công ty Nhà nước.

Cổ phiếu của Tổng Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là “SAB” theo Quyết định Niêm yết số 470/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25 tháng 11 năm 2016.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Tổng Công ty là sản xuất và kinh doanh bia, rượu, nước giải khát và các sản phẩm liên quan, bao gồm vật liệu và bao bì.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(d) Cấu trúc Tổng Công ty

Cấu trúc của Tổng Công ty bao gồm Văn phòng Tổng Công ty, Nhà máy bia Sài Gòn - Nguyễn Chí Thanh và Nhà máy bia Sài Gòn - Củ Chi, là hai nhà máy hoạt động và hạch toán độc lập, chi tiết như sau:

Tên đơn vị	Hoạt động chính	Địa chỉ
Nhà máy bia Sài Gòn - Nguyễn Chí Thanh	Sản xuất bia, rượu và nước giải khát	Số 187 Nguyễn Chí Thanh, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Nhà máy bia Sài Gòn - Củ Chi	Sản xuất bia, rượu và nước giải khát	Khu C1, Đường D3, Khu Công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, Thị trấn Củ Chi, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tổng Công ty có 25 công ty con sở hữu trực tiếp và 13 công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát đầu tư trực tiếp (1/1/2022: 25 công ty con sở hữu trực tiếp và 13 công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát đầu tư trực tiếp), như được trình bày ở Thuyết minh 6(c).

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Ngoài ra, Tổng Công ty đầu tư gián tiếp vào 1 công ty con và 5 công ty liên kết (1/1/2022: 1 công ty con và 5 công ty liên kết), chi tiết như sau:

				31/12/2022		1/1/2022	
				% quyền sở hữu	% quyền biểu quyết	% quyền sở hữu	% quyền biểu quyết
STT	Tên công ty	Trụ sở chính	Hoạt động chính				
Công ty con sở hữu gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây							
1	Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn Sóc Trăng	Lô S, Khu Công Nghiệp An Nghiệp, Xã An Hiệp, Huyện Châu Thành, Tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh bia, mạch nha ủ lên men, nước khoáng và nước tinh khiết đóng chai	51,00%	100%	51,00%	100%
Các công ty liên kết							
1	Công ty Cổ phần Tư vấn và Chuyển giao Công nghệ Thành Nam	50A Bùi Thị Xuân, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Tư vấn xây dựng và thiết kế	28,57%	28,57%	28,57%	28,57%
2	Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp	3E/5, Đường Phở Quang, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất, lắp đặt các sản phẩm máy móc cầu đường và xây dựng công nghiệp	26,00%	26,00%	26,00%	26,00%
3	Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu	Lô B5, Khu Công Nghiệp Trà Kha, Phường 8, Thành phố Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh bia, rượu và nước giải khát	10,20%	20,00%	10,20%	20,00%
4	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây	Số 8 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất, gia công và kinh doanh thực phẩm, nước giải khát, bia và nước uống có cồn	21,80%	22,18%	21,80%	22,18%
5	Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô	Lô 22, KCN Trà Nóc 1, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh bia, rượu, nước giải khát, sữa đậu nành và nước ép trái cây	27,62%	34,92%	27,62%	34,92%

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tổng Công ty có 815 nhân viên (1/1/2022: 804 nhân viên).

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Tổng Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Điều hành Tổng Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Tổng Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Tổng Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 12 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3 – 8 năm
▪ thiết bị quản lý	3 – 6 năm

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất không có thời hạn được thể hiện theo nguyên giá và không trích khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn sử dụng của quyền sử dụng đất là từ 40 đến 49 năm.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

(h) Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê

(i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Tổng Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ quyền sử dụng đất	43 năm
▪ nhà cửa, vật kiến trúc	20 năm

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Bao bì luân chuyển

Bao bì luân chuyển bao gồm chai, kết sử dụng trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Bao bì luân chuyển được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(k) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tổng Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Tổng Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Tổng Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(m) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(p) Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(q) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(r) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

(s) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm trước.



Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

4. Báo cáo bộ phận

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Bộ phận kinh doanh của Tổng Công ty được chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Bán bia, bao gồm hàng hóa và thành phẩm;
- Bán nguyên vật liệu; và
- Các hoạt động khác.

Trong năm, hoạt động kinh doanh khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty và tài sản và nợ phải trả của Tổng Công ty tại ngày báo cáo chủ yếu phục vụ cho hoạt động sản xuất và kinh doanh bia. Theo đó, thông tin tài chính được trình bày trên bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 1 tháng 1 năm 2022 chủ yếu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh bia của Tổng Công ty. Thuyết minh 28 và Thuyết minh 29 trình bày chi tiết doanh thu và giá vốn của từng loại sản phẩm, vì vậy đã cung cấp đầy đủ thông tin về kết quả hoạt động của mỗi bộ phận kinh doanh như được phân loại ở trên.

(b) Bộ phận chia theo khu vực địa lý

Bộ phận chia theo khu vực địa lý của Tổng Công ty dựa trên vị trí địa lý của khách hàng, bao gồm khách hàng trong nước và khách hàng nước ngoài, trong đó doanh thu xuất khẩu chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu của Tổng Công ty và không phải là một bộ phận trọng yếu cần báo cáo riêng. Do đó, thông tin tài chính được báo cáo chủ yếu phản ánh hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty trong lãnh thổ Việt Nam.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Tiền gửi ngân hàng	181.904.281.432	91.792.885.629
Các khoản tương đương tiền	2.742.400.000.000	2.520.000.000.000
	2.924.304.281.432	2.611.792.885.629

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với kỳ hạn gốc không quá 3 tháng. Các khoản tương đương tiền được gửi bằng VND và hưởng lãi từ 5,50% đến 6,00% một năm (1/1/2022: 3,75% một năm).

6. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn trên 3 tháng kể từ ngày gửi nhưng dưới 12 tháng kể từ ngày báo cáo. Tiền gửi có kỳ hạn được gửi bằng VND và hưởng lãi suất từ 4,00% đến 9,20% một năm (1/1/2022: 3,75% đến 5,20% một năm).

(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn phản ánh các khoản đầu tư của Tổng Công ty vào trái phiếu của Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam. Khoản đầu tư này đã được lập dự phòng toàn bộ. Trong năm, khoản đầu tư này đã được xóa sổ.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(c) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

	31/12/2022			1/1/2022		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND
Đầu tư vào các công ty con (i)	2.877.202.995.029	(169.268.236.844)	2.707.934.758.185	2.837.212.995.029	(147.185.283.844)	2.690.027.711.185
Đầu tư vào các công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát (ii)	613.705.350.635	(100.225.000.000)	513.480.350.635	613.705.350.635	(88.552.228.802)	525.153.121.833
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác (iii)	569.372.362.407	(327.360.185.522)	242.012.176.885	569.372.362.407	(326.923.222.922)	242.449.139.485
	4.060.280.708.071	(596.853.422.366)	3.463.427.285.705	4.020.290.708.071	(562.660.735.568)	3.457.629.972.503

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(i) Đầu tư vào các công ty con

Tên công ty	31/12/2022				1/1/2022			
	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây	51,00%	100.424.933.209	351.447.375.000	-	51,00%	100.424.933.209	377.758.785.000	-
▪ Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Chương Dương	62,06%	236.167.400.000	108.386.900.000	(127.780.500.000)	62,06%	236.167.400.000	111.543.800.000	(124.623.600.000)
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi	66,56%	299.548.230.160	877.894.400.000	-	66,56%	299.548.230.160	796.849.700.000	-
▪ Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây	91,75%	208.414.271.535	(*)	-	91,75%	208.414.271.535	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân	51,24%	17.650.697.182	44.990.990.550	-	51,24%	17.650.697.182	43.472.385.150	-
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh	54,73%	76.324.868.844	39.401.432.000	(36.923.436.844)	54,73%	76.324.868.844	53.763.185.000	(22.561.683.844)
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam	68,78%	314.250.000.000	309.685.700.000	(4.564.300.000)	68,78%	314.250.000.000	368.305.000.000	-
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội	52,11%	93.800.000.000	397.308.660.000	-	52,11%	93.800.000.000	231.320.180.000	-
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn	100%	700.000.000.000	(*)	-	100%	700.000.000.000	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Bắc	90,00%	37.422.345.046	(*)	-	90,00%	37.422.345.046	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Bắc Trung Bộ	95,07%	37.369.732.632	(*)	-	95,07%	37.369.732.632	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Trung Tâm	94,45%	83.141.000.000	(*)	-	94,45%	83.141.000.000	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Trung	91,24%	54.546.288.176	(*)	-	91,24%	54.546.288.176	(*)	-



Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(i) Đầu tư vào các công ty con (tiếp theo)

Tên công ty	31/12/2022				1/1/2022			
	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
▪ Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Tây Nguyên	90,00%	36.541.448.653	(*)	-	90,00%	36.541.448.653	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Nam Trung Bộ	90,14%	55.799.775.209	(*)	-	90,14%	55.799.775.209	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Đông	90,68%	36.362.195.948	(*)	-	90,68%	36.362.195.948	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Tiền	90,00%	36.265.364.767	(*)	-	90,00%	36.265.364.767	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Hậu	90,00%	36.798.955.472	(*)	-	90,00%	36.798.955.472	(*)	-
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Cơ khí Sa Be Co	100%	59.365.663.690	(*)	-	100%	59.365.663.690	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Đồng Bắc	90,45%	36.000.000.000	(*)	-	90,45%	36.000.000.000	(*)	-
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh	100%	120.000.000.000	(*)	-	100%	120.000.000.000	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Bao bì Bia Sài Gòn	76,81%	55.174.824.506	(*)	-	76,81%	55.174.824.506	(*)	-
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn	100%	10.000.000	(*)	-	100%	10.000.000	(*)	-
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Tập Đoàn Bia Sài Gòn	100%	40.000.000.000	(*)	-	100%	10.000.000	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Lâm Đồng	52,91%	105.825.000.000	(*)	-	52,91%	105.825.000.000	(*)	-
		<u>2.877.202.995.029</u>	<u>(169.268.236.844)</u>			<u>2.837.212.995.029</u>	<u>(147.185.283.844)</u>	

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Biến động các khoản đầu tư vào công ty con trong năm như sau:

	2022 VND	2021 VND
Số dư đầu năm	2.837.212.995.029	2.837.212.995.029
Tăng trong năm	39.990.000.000	-
Số dư cuối năm	2.877.202.995.029	2.837.212.995.029

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Đầu tư vào các công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát

Tên công ty	31/12/2022				1/1/2022			
	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
▪ Công ty Cổ phần Kinh doanh Lương thực Thực phẩm Trường Sa	28,35%	4.725.000.000	(*)	(4.725.000.000)	28,35%	4.725.000.000	(*)	(4.725.000.000)
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Khánh Hòa	26,00%	26.000.000.000	(*)	-	26,00%	26.000.000.000	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ	27,03%	33.787.500.000	56.763.000.000	-	27,03%	33.787.500.000	62.010.198.750	-
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung	32,22%	103.174.711.495	427.491.785.350	-	32,22%	103.174.711.495	410.661.400.100	-
▪ Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Tân Thành	29,00%	72.500.000.000	(*)	(72.500.000.000)	29,00%	72.500.000.000	(*)	(72.500.000.000)
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long	20,00%	30.000.000.000	(*)	-	20,00%	30.000.000.000	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang	20,00%	23.000.000.000	(*)	(23.000.000.000)	20,00%	23.000.000.000	(*)	(11.327.228.802)
▪ Công ty TNHH Trung Tâm Mê Linh	25,00%	43.111.007.200	(*)	-	25,00%	43.111.007.200	(*)	-
▪ Công ty Liên doanh TNHH Crown Sài Gòn	30,00%	113.224.326.586	(*)	-	30,00%	113.224.326.586	(*)	-
▪ Công ty TNHH Thủy tinh Malaya Việt Nam	30,00%	86.338.395.824	(*)	-	30,00%	86.338.395.824	(*)	-
▪ Công ty TNHH Bao bì San Miguel Yamamura Phú Thọ	35,00%	26.212.239.000	(*)	-	35,00%	26.212.239.000	(*)	-

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Đầu tư vào các công ty liên liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát (tiếp theo)

Tên công ty	31/12/2022				1/1/2022			
	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
▪ Công ty TNHH Sản xuất Rượu và Cồn Việt Nam	45,00%	31.632.170.530	(*)	-	45,00%	31.632.170.530	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bến Tre	20,00%	20.000.000.000	(*)	-	20,00%	20.000.000.000	(*)	-
		<u>613.705.350.635</u>		<u>(100.225.000.000)</u>		<u>613.705.350.635</u>		<u>(88.552.228.802)</u>



Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Tên công ty	31/12/2022			1/1/2022		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á	136.265.460.000	(*)	(136.265.460.000)	136.265.460.000	(*)	(136.265.460.000)
▪ Công ty Cổ phần Tập đoàn Bao bì Sài Gòn	46.000.000.000	(*)	-	46.000.000.000	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần PVI	51.475.140.000	23.304.672.000	(28.170.468.000)	51.475.140.000	23.741.634.600	(27.733.505.400)
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Không Gian Ngầm	23.085.000.000	(*)	(23.085.000.000)	23.085.000.000	(*)	(23.085.000.000)
▪ Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông	30.700.950.000	6.695.850.000	(30.700.950.000)	30.700.950.000	10.584.000.000	(30.700.950.000)
▪ Quỹ đầu tư Chứng khoán Sài Gòn A2	35.757.720.722	(*)	(35.757.720.722)	35.757.720.722	(*)	(35.757.720.722)
▪ Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn	26.588.267.394	(*)	-	26.588.267.394	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô	19.690.000.000	(*)	-	19.690.000.000	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây	126.429.237.491	(*)	-	126.429.237.491	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Việt	45.000.000.000	(*)	(45.000.000.000)	45.000.000.000	(*)	(45.000.000.000)
▪ Công ty TNHH Đầu tư Sabeco HP	24.426.586.800	(*)	(24.426.586.800)	24.426.586.800	(*)	(24.426.586.800)
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Đồng Nai	3.954.000.000	(*)	(3.954.000.000)	3.954.000.000	(*)	(3.954.000.000)
	<u>569.372.362.407</u>		<u>(327.360.185.522)</u>	<u>569.372.362.407</u>		<u>(326.923.222.922)</u>

(*) Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(iv) Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Biến động của dự phòng đầu tư tài chính dài hạn trong năm như sau:

	2022 VND	2021 VND
Số dư đầu năm	562.660.735.568	592.945.712.696
Dự phòng trích lập trong năm	34.192.686.798	25.007.128.802
Dự phòng hoàn nhập trong năm	-	(55.292.105.930)
 Số dư cuối năm	 596.853.422.366	 562.660.735.568

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn	602.734.555.214	162.330.855.698
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang	81.621.820.149	1.985.236.782
Các khách hàng khác	83.807.253.744	52.580.592.666
	 768.163.629.107	 216.896.685.146

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Các công ty con		
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn	602.734.555.214	162.330.855.698
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam	5.277.517.281	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi	4.477.245.443	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội	3.894.605.523	1.546.159.544
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Lâm Đồng	1.358.824.382	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh	1.098.358.251	221.742.730
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh	371.693.124	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Tập Đoàn Bia Sài Gòn	1.012.460	-
Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân	-	4.502.914.095
Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn - Sóc Trăng	-	2.841.417.388
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Bắc	-	27.283.300
Các công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát		
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang	81.621.820.149	1.985.236.782
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Khánh Hòa	47.639.641.422	-
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Bia Sài Gòn - Bình Tây	12.771.245.801	14.050.781.522
Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô	401.315.472	7.519.852.505
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bến Tre	396.148.320	7.242.299.241
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung	-	3.699.895.975
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long	-	3.434.688.316
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ	-	1.277.134.669

8. Phải thu khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Phải thu do chênh lệch giữa giá trị của các khoản đầu tư và phần vốn góp trong công ty liên kết	277.230.733.543	277.230.733.543
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng và các khoản cho vay	412.194.945.767	306.146.589.017
Phải thu về cổ tức	142.189.107.007	223.865.285.610
Phải thu ngắn hạn khác	8.340.313.186	63.165.432.387
	839.955.099.503	870.408.040.557

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Công ty mẹ cấp cao nhất		
Thai Beverage Public Company Limited	-	306.673.790
Các công ty con		
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn	84.437.306.138	113.044.593.089
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam	12.380.000.000	999.384.076
Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh	1.774.687.133	5.863.030.735
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội	556.395.128	891.524.313
Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Chương Dương	361.643.836	-
Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân	304.651.818	46.081.811
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây	84.419.772	211.463.734
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh	35.259.128	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Cơ khí Sa Be Co	23.115.109	369.753.366
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Tiền	-	98.373.600.000
Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây	-	6.000.000.000
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi	-	1.424.885.092
Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn Sóc Trăng	-	1.243.263.529
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Lâm Đồng	-	972.804.468
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Nam Trung Bộ	-	29.700.000
Các công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát		
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Tân Thành	277.230.733.543	277.230.733.543
Công ty TNHH Trung Tâm Mê Linh	40.476.923.301	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long	1.500.000.000	1.934.558.495
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bến Tre	1.232.504.912	1.872.549.705
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ	1.000.910.851	2.904.504.818
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung	704.864.851	1.200.527.483
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu	62.404.936	148.135.641
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Khánh Hòa	6.807.822	743.181.047
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây	-	3.567.403.781
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang	-	994.748.905
Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô	-	637.611.615
Công ty Liên doanh TNHH Crown Sài Gòn	-	6.455.989

(b) Phải thu dài hạn khác

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Phải thu Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh	328.073.502.218	328.073.502.218
Ký quỹ, ký cược dài hạn	11.667.717.205	10.382.102.561
Phải thu dài hạn khác	8.000.000.000	8.018.865.000
	347.741.219.423	346.474.469.779

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

9. Dự phòng phải thu khó đòi

(a) Ngắn hạn

	Số ngày quá hạn	31/12/2022			Số ngày quá hạn	1/1/2022		
		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn	-	-	-	-	Trên 2 năm	3.674.748.890	(3.674.748.890)	-
Phải thu ngắn hạn khác	Trên 3 năm	277.230.733.543	(277.230.733.543)	-	Trên 2 năm	320.160.761.240	(320.160.761.240)	-
		<u>277.230.733.543</u>	<u>(277.230.733.543)</u>	<u>-</u>		<u>323.835.510.130</u>	<u>(323.835.510.130)</u>	<u>-</u>

(b) Dài hạn

	Số ngày quá hạn	31/12/2022			Số ngày quá hạn	1/1/2022		
		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn	-	-	-	-	Trên 2 năm	20.868.879.905	(20.868.879.905)	-
Phải thu về cho vay – dài hạn	-	-	-	-	Trên 2 năm	4.000.000.000	(4.000.000.000)	-
Phải thu dài hạn khác	Trên 3 năm	8.000.000.000	(8.000.000.000)	-	Trên 2 năm	8.000.000.000	(8.000.000.000)	-
		<u>8.000.000.000</u>	<u>(8.000.000.000)</u>	<u>-</u>		<u>32.868.879.905</u>	<u>(32.868.879.905)</u>	<u>-</u>

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Biến động của dự phòng phải thu khó đòi ngắn hạn và dài hạn trong năm như sau:

	2022 VND	2021 VND
Số dư đầu năm	356.704.390.035	356.724.390.035
Dự phòng hoàn nhập trong năm	(20.000.000)	(20.000.000)
Dự phòng sử dụng trong năm	(71.453.656.492)	-
Số dư cuối năm	285.230.733.543	356.704.390.035

10. Hàng tồn kho

(a) Hàng tồn kho

	31/12/2022		1/1/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	275.406.441.045	-	87.020.314.604	-
Nguyên vật liệu	216.366.423.789	(2.186.390.359)	145.774.473.960	(7.770.607.977)
Công cụ và dụng cụ	28.988.591.962	(22.518.588.331)	25.895.369.749	(19.986.495.030)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	73.009.588.351	-	69.478.655.598	-
Thành phẩm	35.355.877.838	(154.015.122)	15.991.666.985	-
Hàng hóa	9.735.335.904	-	2.003.711.324	-
	638.862.258.889	(24.858.993.812)	346.164.192.220	(27.757.103.007)

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 có 24.859 triệu VND (1/1/2022: 27.757 triệu VND) hàng tồn kho lỗi thời, hoặc chậm luân chuyển khó tiêu thụ được.

Biến động của dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2022 VND	2021 VND
Số dư đầu năm	27.757.103.007	23.891.388.527
Dự phòng trích lập trong năm	5.629.791.862	4.651.904.474
Chuyển sang dự phòng thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	(2.847.633.785)	-
Dự phòng hoàn nhập trong năm	(1.083.051.333)	(751.958.886)
Dự phòng sử dụng trong năm	(4.597.215.939)	(34.231.108)
Số dư cuối năm	24.858.993.812	27.757.103.007

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn

	31/12/2022		1/1/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	46.089.954.982	(33.177.394.330)	41.065.844.854	(28.892.222.952)

Biến động của dự phòng giảm giá thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn trong năm như sau:

	2022 VND	2021 VND
Số dư đầu năm	28.892.222.952	27.885.194.853
Dự phòng trích lập trong năm	5.252.404.815	3.852.008.087
Dự phòng hoàn nhập trong năm	(3.814.867.222)	(2.844.979.988)
Chuyển từ dự phòng hàng tồn kho	2.847.633.785	-
Số dư cuối năm	33.177.394.330	28.892.222.952

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

11. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Chi phí bảng hiệu quảng cáo	111.656.439.768	48.178.016.028
Công cụ và dụng cụ	-	2.848.259.220
Chi phí trả trước khác	8.446.973.722	8.161.756.344
	120.103.413.490	59.188.031.592

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Tài sản chờ góp vốn đầu tư (*) VND	Bao bì luân chuyển VND	Công cụ và dụng cụ và các chi phí khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	51.602.316.000	8.058.651.394	5.795.615.538	65.456.582.932
Tăng trong năm	-	7.475.502.960	3.290.547.540	10.766.050.500
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	-	2.974.617.569	2.974.617.569
Phân bổ trong năm	-	(8.377.718.504)	(6.049.847.727)	(14.427.566.231)
Số dư cuối năm	51.602.316.000	7.156.435.850	6.010.932.920	64.769.684.770

(*) Tài sản chờ góp vốn đầu tư phản ánh giá trị quyền sử dụng đất chờ bàn giao (Thuyết minh 20(b)).

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***12. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	583.406.671.195	2.899.805.524.610	60.752.918.781	115.634.842.828	3.659.599.957.414
Tăng trong năm	-	1.542.290.909	-	8.496.136.545	10.038.427.454
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	202.322.329	720.597.273	19.345.454	-	942.265.056
Thanh lý	-	-	(5.907.323.130)	-	(5.907.323.130)
Số dư cuối năm	583.608.993.524	2.902.068.412.792	54.864.941.105	124.130.979.373	3.664.673.326.794
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	453.858.665.860	2.532.294.745.180	53.885.286.346	99.638.567.984	3.139.677.265.370
Khấu hao trong năm	15.385.100.414	95.142.003.849	2.272.423.211	8.247.578.900	121.047.106.374
Thanh lý	-	-	(3.750.465.054)	-	(3.750.465.054)
Số dư cuối năm	469.243.766.274	2.627.436.749.029	52.407.244.503	107.886.146.884	3.256.973.906.690
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	129.548.005.335	367.510.779.430	6.867.632.435	15.996.274.844	519.922.692.044
Số dư cuối năm	114.365.227.250	274.631.663.763	2.457.696.602	16.244.832.489	407.699.420.104

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 có các tài sản có nguyên giá 2.384.281 triệu VND (1/1/2022: 2.273.691 triệu VND) đã khấu hao hết, nhưng vẫn đang được sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình không còn sử dụng và chờ thanh lý tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 67.841 triệu VND (1/1/2022: 62.427 triệu VND).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mà Công ty cho các công ty con, công ty liên kết thuê để hưởng thu nhập cho thuê tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 140.444 triệu VND (1/1/2022: 86.394 triệu VND).

13. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất (*) VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	917.286.855.722	64.799.120.047	982.085.975.769
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	400.000.000	400.000.000
Số dư cuối năm	917.286.855.722	65.199.120.047	982.485.975.769
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	66.057.694.869	63.848.308.145	129.906.003.014
Khấu hao trong năm	4.208.887.656	629.437.607	4.838.325.263
Số dư cuối năm	70.266.582.525	64.477.745.752	134.744.328.277
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	851.229.160.853	950.811.902	852.179.972.755
Số dư cuối năm	847.020.273.197	721.374.295	847.741.647.492

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 có các tài sản có nguyên giá 62.869 triệu VND (1/1/2022: 62.573 triệu VND) đã được khấu hao hết, nhưng vẫn đang được sử dụng.

- (*) Trong quyền sử dụng đất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 có các quyền sử dụng đất với giá trị là 735.380 triệu đồng được Tổng Công ty ghi nhận theo giá tạm tính tăng thêm vào giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 và Biên bản Quyết toán Cổ phần hóa của Tổng Công ty do Ban Quyết toán cổ phần hóa gồm các đại diện từ Bộ Công thương và Bộ Tài chính thực hiện tại ngày 30 tháng 4 năm 2008 lập vào ngày 6 tháng 3 năm 2010. Tổng Công ty đã ghi nhận tăng giá trị quyền sử dụng đất này vào tài khoản “Tài sản cố định vô hình”, đồng thời ghi tăng tương ứng một khoản phải trả Nhà nước trên tài khoản “Phải trả ngắn hạn khác” (Thuyết minh 20(a)).

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các khu đất này đã được Bộ Công thương giao cho Tổng Công ty quản lý và sử dụng theo quy hoạch của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Tại ngày của báo cáo tài chính riêng này, Tổng Công ty đang trong quá trình làm việc với Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh để lập hợp đồng thuê đất. Hiện tại, Tổng Công ty đang sử dụng các khu đất này cho mục đích sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty. Quyền sử dụng đất cho các khu đất này chỉ có tính tạm thời, Tổng Công ty không được tự ý chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê lại, hay thế chấp các quyền sử dụng đất này.

Chi tiết giá trị quyền sử dụng đất theo giá trị tạm tính được xác định tại ngày 6 tháng 3 năm 2010 như sau:

STT	Địa chỉ	Diện tích m ²	Giá trị định giá khi xác định giá trị doanh nghiệp VND
1	46 Bến Vân Đồn, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	3.872,5	55.241.212.500
2	187 Nguyễn Chí Thanh, Phường 12, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	17.406,1	418.634.111.100
3	474 Nguyễn Chí Thanh, Phường 6, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	7.729,0	247.637.160.000
4	18/3B Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	2.216,3	13.867.389.100
			735.379.872.700

Tổng Công ty chưa trích khấu hao giá trị của các quyền sử dụng đất này do thời gian sử dụng chưa được xác định một cách đáng tin cậy tại ngày lập báo cáo tài chính. Trong năm, Tổng Công ty cũng đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng chi phí thuê đất và thuế đất với số tiền là 29.947 triệu VND (2021: 30.518 triệu VND) theo thông báo nộp thuế sử dụng đất của các chi cục thuế địa phương.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

14. Bất động sản đầu tư

	Quyền sử dụng đất VND	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm và số dư cuối năm	12.072.940.855	33.789.688.191	45.862.629.046
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	4.563.698.224	11.771.038.945	16.334.737.169
Khấu hao trong năm	281.596.596	5.577.413.592	5.859.010.188
Số dư cuối năm	4.845.294.820	17.348.452.537	22.193.747.357
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	7.509.242.631	22.018.649.246	29.527.891.877
Số dư cuối năm	7.227.646.035	16.441.235.654	23.668.881.689

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư cho thuê không được xác định bởi vì Tổng Công ty không thực hiện việc xác định giá trị hợp lý.

15. Xây dựng cơ bản dở dang

	2022 VND	2021 VND
Số dư đầu năm	24.342.956.863	11.252.785.047
Tăng trong năm	29.644.414.214	29.224.097.553
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(942.265.056)	(16.133.925.737)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(400.000.000)	-
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(2.974.617.569)	-
Chuyển sang chi phí	(12.559.364.100)	-
Số dư cuối năm	37.111.124.352	24.342.956.863

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

16. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Thuế suất	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại ghi nhận trên:			
▪ Chi phí phải trả và các khoản dự phòng	20%	77.444.159.496	54.424.238.197
▪ Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	20%	56.253.667.686	58.597.038.770
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho và thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	20%	11.607.277.628	11.329.865.194
▪ Dự phòng phải thu khó đòi	20%	1.600.000.000	2.304.311.667
Tổng tài sản thuế thu nhập hoãn lại		146.905.104.810	126.655.453.828

17. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ 31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Trung Tâm	310.051.842.890	204.862.877.426
Công ty Cổ phần Hanacans	304.818.946.067	90.029.997.906
Công ty Liên doanh TNHH Crown Sài Gòn	303.175.947.048	559.509.431.031
Các nhà cung cấp khác	3.378.858.455.965	2.604.671.834.573
	4.296.905.191.970	3.459.074.140.936

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ	
	31/12/2022	1/1/2022
	VND	VND
Công ty con		
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Trung Tâm	310.051.842.890	204.862.877.426
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Hậu	211.866.322.042	320.450.501.735
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Tiền	200.776.112.245	192.711.435.796
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Đông	186.447.191.586	99.515.562.089
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Bắc Trung Bộ	185.935.028.924	124.202.130.816
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Nam Trung Bộ	172.842.047.158	106.720.444.795
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Trung	148.316.753.869	82.782.310.744
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Tây Nguyên	144.610.327.298	106.970.678.791
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Bắc	139.523.835.261	123.155.250.805
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Đông Bắc	88.010.247.270	84.777.769.165
Công ty TNHH Một Thành Viên Tập Đoàn Bia Sài Gòn	51.873.128.494	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Lâm Đồng	48.538.805.854	30.836.301.628
Công ty Cổ phần Bao bì Bia Sài Gòn	30.174.325.686	21.320.165.900
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội	22.630.382.287	13.738.467.546
Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh	21.718.359.181	5.024.200.993
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam	18.091.890.776	12.390.270.124
Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn - Sóc Trăng	10.793.118.600	4.813.800.819
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi	7.436.774.160	22.639.469.383
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn	6.776.081.852	388.984.493
Công ty TNHH Một Thành Viên Cơ khí Sa Be Co	4.910.620.091	9.783.653.016
Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân	3.745.637.635	7.465.509.571
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây	3.480.010.820	1.583.934.000
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh	2.382.608.569	2.046.828.960
Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Chương Dương	277.457.510	26.903.030

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan (tiếp theo)

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ	
	31/12/2022	1/1/2022
	VND	VND
Các công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát		
Công ty Liên doanh TNHH Crown Sài Gòn	303.175.947.048	559.509.431.031
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây	41.300.276.271	44.420.956.582
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung	22.658.528.189	25.125.466.293
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang	15.170.889.800	2.593.540.527
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Khánh Hòa	11.062.497.600	10.309.697.221
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long	10.029.404.000	138.549.325
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bến Tre	6.734.475.000	1.656.446.388
Công ty TNHH Bao bì San Miguel Yamamura Phú Thọ	6.599.377.008	5.734.713.600
Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô	5.279.828.400	1.085.700.022
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu	4.654.620.630	1.133.114.400
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ	2.798.730.000	4.910.444.105
Các bên liên quan khác		
Công ty TNHH Lon Nước Giải Khát TBC-Ball Việt Nam	205.531.683.564	157.679.350.594
Công ty TNHH MM Mega Market (Việt Nam)	32.642.353	62.508.352

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

18. Thuế phải nộp/phải thu Nhà nước

(a) Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2022 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Số đã cân trừ/ phân loại lại trong năm VND	31/12/2022 VND
Thuế tiêu thụ đặc biệt	251.851.751.320	2.893.743.910.542	(2.890.609.009.320)	-	254.986.652.542
Thuế thu nhập doanh nghiệp	197.068.124.305	680.488.477.453	(706.067.142.891)	-	171.489.458.867
Thuế giá trị gia tăng	-	5.274.475.839.328	(855.904.653.274)	(4.418.571.186.054)	-
Thuế thu nhập cá nhân	10.456.313.409	37.265.614.531	(39.950.253.443)	-	7.771.674.497
Thuế xuất nhập khẩu	-	2.403.051.783	(2.403.051.783)	-	-
Thuế đất và tiền thuê đất	1.581.049.815	30.016.537.823	(25.546.984.893)	(4.469.552.930)	1.581.049.815
Thuế tài nguyên	4.840.480	44.704.960	(45.025.120)	-	4.520.320
Các loại thuế khác	1.255.926.756	65.088.770.160	(64.981.838.198)	-	1.362.858.718
	462.218.006.085	8.983.526.906.580	(4.585.507.958.922)	(4.423.040.738.984)	437.196.214.759

(b) Thuế phải thu Nhà nước

	1/1/2022 VND	Số đã phân loại lại trong năm VND	31/12/2022 VND
Tiền thuê đất	25.042.401.904	(4.469.552.930)	20.572.848.974



Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	307.407.525.370	198.838.540.908
Chi phí phải trả khác	25.919.945.306	24.605.742.358
	333.327.470.676	223.444.283.266

20. Phải trả khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Cổ tức phải trả	2.252.673.604.325	1.290.677.115.025
Phải trả Nhà nước cho phần đánh giá lại quyền sử dụng đất khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa (*)	735.379.872.700	735.379.872.700
Quỹ khen thưởng, phúc lợi phải trả cho các công ty con	42.236.388.197	42.236.388.197
Phải trả ngắn hạn khác	50.230.896.187	29.393.201.395
	3.080.520.761.409	2.097.686.577.317

- (*) Phải trả Nhà nước cho phần đánh giá lại quyền sử dụng đất khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa được ghi nhận theo Biên bản Quyết toán Cổ phần hóa do Ban Quyết toán cổ phần hóa, đại diện của Bộ Công thương và Bộ Tài chính, lập ngày 6 tháng 3 năm 2010 (Thuyết minh 13).

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Phải trả ngắn hạn khác cho các bên liên quan

	31/12/2022	1/1/2022
	VND	VND
Công ty mẹ cấp cao nhất		
Thai Beverage Public Company Limited	485.483.412	448.149.450
Công ty mẹ cấp trung gian		
BeerCo Limited	2.789.159.001	1.727.126.808
Công ty mẹ		
Công ty TNHH Vietnam Beverage	1.202.749.054.500	687.285.174.000
Các công ty con		
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn	25.517.600.272	25.517.600.272
Công ty TNHH Một Thành Viên Cơ Khí Sa Be co	10.279.084.712	10.279.084.712
Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh	8.988.336.717	8.988.336.717
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi	2.364.524.162	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Lâm Đồng	1.866.949.618	-
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Bắc	1.522.160.540	1.522.160.540
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Tiền	739.328.874	739.328.874
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam	460.392.674	-
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Bắc Trung Bộ	437.717.745	437.717.745
Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn - Sóc Trăng	351.742.038	12.932.851
Công ty Cổ phần Bao bì Bia Sài Gòn	195.775.466	195.775.466
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Hậu	106.561.973	106.561.973
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Nam Trung Bộ	82.229.450	82.229.450
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Đông	52.063.478	52.063.478
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh	-	102.571.168
Các công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây	1.765.382.715	287.780.949
Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô	1.155.902.625	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long	1.126.841.511	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang	173.579.908	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung	-	193.871.822
Các bên liên quan khác		
Chang International Co., Ltd.	242.690.389	750.049.954
Chang Beer Co., Ltd.	-	743.116.593
Super Brands Company Pte. Ltd.	-	2.477.547.727
Fraser and Neave, Limited	-	626.614.560

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Phải trả dài hạn khác

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Tiền thuê đất phải trả cho Nhà nước (Thuyết minh 11(b))	51.602.316.000	51.602.316.000

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Tổng Công ty theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông của Tổng Công ty. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Tổng Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tổng Công ty.

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2022 VND	2021 VND
Số dư đầu năm	73.853.288.713	55.826.503.442
Trích lập trong năm (Thuyết minh 23)	38.088.165.612	53.155.759.384
Điều chuyển về các công ty con	(2.918.590.629)	(2.463.701.939)
Sử dụng trong năm	(30.689.538.444)	(32.665.272.174)
Số dư cuối năm	78.333.325.252	73.853.288.713

22. Dự phòng phải trả dài hạn

Dự phòng phải trả dài hạn phản ánh dự phòng trợ cấp thôi việc. Biến động của dự phòng trợ cấp thôi việc trong năm như sau:

	2022 VND	2021 VND
Số dư đầu năm	39.797.956.698	82.323.187.723
Dự phòng trích lập trong năm	-	217.867.500
Dự phòng hoàn nhập trong năm	-	(40.284.831.661)
Dự phòng sử dụng trong năm	(5.740.535.671)	(2.458.266.864)
Số dư cuối năm	34.057.421.027	39.797.956.698

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***23. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	6.412.811.860.000	760.819.802.040	10.456.551.190.040	17.630.182.852.080
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	3.633.952.531.584	3.633.952.531.584
Cổ tức (Thuyết minh 26)	-	-	(2.244.484.151.000)	(2.244.484.151.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 21)	-	-	(53.155.759.384)	(53.155.759.384)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	6.412.811.860.000	760.819.802.040	11.792.863.811.240	18.966.495.473.280
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	4.559.656.824.657	4.559.656.824.657
Cổ tức (Thuyết minh 26)	-	-	(3.206.405.930.000)	(3.206.405.930.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 21)	-	-	(38.088.165.612)	(38.088.165.612)
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	(34.710.800.000)	(34.710.800.000)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	6.412.811.860.000	760.819.802.040	13.073.315.740.285	20.246.947.402.325



Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

24. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

	31/12/2022 và 1/1/2022	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	641.281.186	6.412.811.860.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	641.281.186	6.412.811.860.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Tổng Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021.

25. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

26. Cổ tức

Nghị quyết của Hội đồng quản trị Tổng Công ty ngày 14 tháng 2 năm 2022, ngày 21 tháng 10 năm 2022 và ngày 2 tháng 12 năm 2022 quyết định chia cổ tức cho các cổ đông là 961.922 triệu VND (tương đương 1.500 đồng/cổ phiếu), 1.603.203 triệu VND (tương đương 2.500 đồng/cổ phiếu) và 641.281 triệu VND (tương đương 1.000 đồng/cổ phiếu) từ lợi nhuận chưa phân phối của các năm trước (2021: 2.244.484 triệu VND, tương đương 3.500 đồng/cổ phiếu).

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

27. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Trong vòng một năm	40.268.440.762	31.971.494.784
Từ hai đến năm năm	69.707.213.204	9.889.602.553
Sau năm năm	47.473.365.572	49.772.394.156
	157.449.019.538	91.633.491.493

(b) Hàng hóa nhận giữ hộ các bên khác

	Đơn vị	31/12/2022	1/1/2022
Kết nhựa	cái	80.019	77.064
Hóa chất	lít	10.625	-
Pallet	cái	4.878	4.453
Dụng cụ và phụ tùng	cái	461	-

(c) Ngoại tệ các loại

	31/12/2022		1/1/2022	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	172.933	4.048.352.868	142.904	3.233.203.679
EUR	231	5.710.551	1.339	33.982.481
AUD	838	13.204.025	17.871	291.916.251
		4.067.267.444		3.559.102.411

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(d) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Tổng Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	10.497.724.044	14.014.948.272

28. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2022 VND	2021 VND
Tổng doanh thu		
▪ Doanh thu bán hàng hóa	28.767.739.045.499	22.304.375.396.058
▪ Doanh thu bán nguyên vật liệu	8.890.009.782.315	6.129.058.916.205
▪ Doanh thu bán thành phẩm	4.093.550.782.312	2.955.047.672.659
▪ Doanh thu khác	61.839.447.950	47.069.526.871
	41.813.139.058.076	31.435.551.511.793
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Hàng bán bị trả lại	22.320.718.601	32.465.756.702
Doanh thu thuần	41.790.818.339.475	31.403.085.755.091

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

29. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	2022 VND	2021 VND
Giá vốn hàng hóa đã bán	23.824.511.213.938	18.980.149.963.535
Giá vốn nguyên vật liệu đã bán	8.893.729.139.805	6.093.101.904.937
Giá vốn thành phẩm đã bán	2.424.605.814.657	1.835.352.096.453
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho và thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	5.984.278.122	4.906.973.687
Giá vốn khác	9.354.564.850	7.977.533.444
	35.158.185.011.372	26.921.488.472.056

30. Doanh thu hoạt động tài chính

	2022 VND	2021 VND
Thu nhập từ cổ tức và lợi nhuận được chia	2.046.468.762.308	1.811.364.776.379
Thu nhập lãi tiền gửi và lãi cho vay	955.840.485.275	792.317.333.449
Lãi từ thanh lý đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	193.284.865.644
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	47.279.177.864	25.154.684.109
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	1.812.117.301
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	615.716.556
	3.049.588.425.447	2.824.549.493.438

31. Chi phí tài chính

	2022 VND	2021 VND
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	34.192.686.798	(30.284.977.128)
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	35.111.547.134	6.767.369.718
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	70.968.249	-
Chi phí tài chính khác	-	615.716.556
	69.375.202.181	(22.901.890.854)

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

32. Chi phí bán hàng

	2022 VND	2021 VND
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	3.955.514.522.956	3.013.280.549.964
Chi phí nhân viên	57.884.621.615	41.270.144.501
Chi phí bán hàng khác	25.087.194.348	20.388.148.829
	4.038.486.338.919	3.074.938.843.294

33. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2022 VND	2021 VND
Chi phí nhân viên	158.458.401.974	137.501.860.339
Chi phí thuê	37.343.538.513	35.949.587.075
Chi phí khấu hao và phân bổ	10.598.102.853	12.737.012.285
Chi phí quản lý khác	141.306.935.657	55.961.013.685
	347.706.978.997	242.149.473.384

34. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2022 VND	2021 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	2.045.092.919.850	1.445.885.115.915
Chi phí nhân công và nhân viên	352.096.620.312	289.118.585.517
Chi phí khấu hao và phân bổ	131.744.441.825	140.158.057.419
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.193.250.170.455	3.072.340.520.531
Chi phí khác	125.596.723.145	200.749.643.766

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

35. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

	2022 VND	2021 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Năm hiện hành	680.488.477.453	471.637.285.430
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(20.249.650.982)	(21.366.232.103)
	<u>660.238.826.471</u>	<u>450.271.053.327</u>

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2022 VND	2021 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	5.219.895.651.128	4.084.223.584.911
Thuế tính theo thuế suất của Tổng Công ty	1.043.979.130.226	816.844.716.982
Thu nhập không bị tính thuế	(409.293.752.462)	(362.272.955.276)
Chi phí không được khấu trừ thuế	22.626.278.379	10.510.570.120
Thay đổi trong thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận	2.927.170.328	(14.811.278.499)
	<u>660.238.826.471</u>	<u>450.271.053.327</u>

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

36. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng này, trong năm Tổng Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	2022	2021
	VND	VND
Công ty mẹ cấp cao nhất		
Thai Beverage Public Company Limited		
Chi hộ Tổng Công ty	938.472.331	6.155.192.544
Công ty mẹ cấp trung gian		
BeerCo Limited		
Chi hộ Tổng Công ty	12.283.947.646	10.185.243.890
Công ty mẹ		
Công ty TNHH Vietnam Beverage		
Cổ tức đã trả	1.718.212.935.000	1.202.749.054.500
Các công ty con		
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây		
Bán nguyên vật liệu	61.149.131.796	67.406.030.681
Mua hàng hóa	308.687.267.970	374.443.990.060
Cổ tức đã nhận	25.882.500.000	33.277.500.000
Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Chương Dương		
Mua hàng hóa	1.863.084.024	1.312.522.964
Mua dịch vụ	136.178.076	-
Cho vay	50.000.000.000	-
Lãi cho vay	361.643.836	-
Giao dịch khác	321.174.000	302.022.000
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi		
Bán nguyên vật liệu	1.441.278.018.277	691.803.750.863
Mua hàng hóa	3.622.423.716.000	2.103.638.982.130
Cổ tức đã nhận	74.875.000.000	44.925.000.000
Giao dịch khác	792.515.756	695.458.737
Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây		
Mua hàng hóa	567.955.200	922.669.636
Cổ tức đã nhận	6.422.834.000	12.845.668.000
Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân		
Bán nguyên vật liệu	190.444.392.694	148.388.183.768
Cung cấp dịch vụ	377.505.600	377.505.600
Mua hàng hóa	476.446.204.280	431.081.116.100
Cổ tức đã nhận	1.537.050.000	1.537.050.000
Giao dịch khác	83.181.393	179.726.684

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	2022	2021
	VND	VND
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh		
Bán nguyên vật liệu	89.530.373.623	31.480.104.858
Mua hàng hóa	310.054.622.310	172.358.673.160
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam		
Bán nguyên vật liệu	608.428.863.870	439.268.576.686
Mua hàng hóa	1.794.654.957.590	1.419.291.500.330
Cổ tức đã nhận	34.045.000.000	15.475.000.000
Giao dịch khác	410.612.031	357.053.424
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội		
Bán nguyên vật liệu	423.117.295.228	328.752.632.413
Mua hàng hóa	1.230.241.941.110	1.075.395.166.830
Cổ tức đã nhận	28.140.000.000	14.070.000.000
Giao dịch khác	555.658.508	207.836.157
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn		
Bán hàng hóa và thành phẩm (không bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	32.729.556.675.577	25.153.486.066.343
Cung cấp dịch vụ	15.460.872.000	14.588.344.915
Bán khác	5.076.119.830	-
Mua hàng hóa	23.417.725.320	7.365.746.240
Mua dịch vụ	9.945.603.900	-
Chi phí vận chuyển	1.511.460.924	2.288.277.052
Chi phí thuê pallet	3.616.272.740	3.808.796.971
Chi phí sử dụng vỏ chai	11.293.387.310	5.687.349.622
Lợi nhuận được chia	1.054.645.615.955	900.698.382.856
Giao dịch khác	2.163.498.804	3.859.536
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Bắc		
Bán nguyên vật liệu	70.755.000	-
Mua hàng hóa	1.243.124.790	2.322.172.310
Hỗ trợ chi phí bán hàng	191.718.969.649	174.072.086.572
Chi phí vật phẩm quảng cáo	11.681.236.165	9.650.560.810
Cổ tức đã nhận	77.549.065.667	70.721.398.467
Giao dịch khác	5.486.123.466	2.397.599.379
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Bắc Trung Bộ		
Mua hàng hóa	14.191.940	3.032.760
Hỗ trợ chi phí bán hàng	139.262.301.339	102.934.743.505
Chi phí vật phẩm quảng cáo	9.973.014.987	8.812.036.024
Cổ tức đã nhận	26.654.352.419	11.110.221.055
Giao dịch khác	4.419.697.297	3.733.427.844

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	2022	2021
	VND	VND
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Trung Tâm		
Bán nguyên vật liệu	51.358.669	-
Mua hàng hóa	5.230.549.010	6.295.910.510
Hỗ trợ chi phí bán hàng	331.729.392.679	286.339.846.896
Chi phí vật phẩm quảng cáo	13.112.706.784	15.780.463.952
Cổ tức đã nhận	28.772.816.515	51.516.702.940
Giao dịch khác	3.228.273.458	1.020.511.621
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Trung		
Bán nguyên vật liệu	30.549.803	-
Mua hàng hóa	102.439.960	-
Hỗ trợ chi phí bán hàng	115.393.641.398	75.555.161.499
Chi phí vật phẩm quảng cáo	7.565.726.699	6.029.250.304
Giao dịch khác	929.586.171	494.433.710
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Tây Nguyên		
Mua hàng hóa	52.249.650	14.559.530
Hỗ trợ chi phí bán hàng	149.416.403.771	102.316.188.786
Chi phí vật phẩm quảng cáo	8.936.123.242	7.376.159.241
Cổ tức đã nhận	33.075.752.788	38.206.229.975
Giao dịch khác	1.798.236.757	1.074.620.815
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Nam Trung Bộ		
Cung cấp dịch vụ	1.028.880.000	-
Mua hàng hóa	15.700.600	5.483.680
Hỗ trợ chi phí bán hàng	200.136.392.849	136.361.211.059
Chi phí vật phẩm quảng cáo	10.458.887.370	8.988.744.050
Cổ tức đã nhận	89.351.787.857	82.180.743.775
Giao dịch khác	1.681.955.335	1.658.680.040
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Đông		
Bán nguyên vật liệu	1.550.500	-
Mua hàng hóa	-	3.523.680
Hỗ trợ chi phí bán hàng	204.730.034.068	167.541.982.043
Chi phí vật phẩm quảng cáo	12.131.105.780	15.060.331.946
Cổ tức đã nhận	93.544.946.100	130.461.345.000
Giao dịch khác	6.510.346.100	1.810.799.367
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Tiền		
Hỗ trợ chi phí bán hàng	198.764.660.103	164.392.476.693
Chi phí vật phẩm quảng cáo	11.041.820.505	15.762.423.699
Cổ tức đã nhận	46.238.400.000	98.373.600.000
Giao dịch khác	2.560.283.720	5.815.552.880

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	2022	2021
	VND	VND
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Hậu		
Bán nguyên vật liệu	8.594.357	-
Mua hàng hóa	9.082.200	2.836.380
Hỗ trợ chi phí bán hàng	189.830.741.656	247.898.764.585
Chi phí vật phẩm quảng cáo	12.348.552.349	16.783.836.498
Cổ tức đã nhận	181.195.477.309	-
Giao dịch khác	6.585.394.560	7.983.706.424
Công ty TNHH Một Thành Viên Cơ khí Sa Be Co		
Mua dịch vụ bảo trì	39.137.944.479	39.193.431.614
Mua công cụ và dụng cụ	13.043.095.167	17.225.513.912
Lợi nhuận được chia	1.158.509.481	4.376.352.430
Giao dịch khác	108.800.000	331.940.046
Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn Sóc Trăng		
Bán nguyên vật liệu	439.997.664.342	369.605.952.429
Mua hàng hóa	1.134.654.151.310	1.112.046.895.090
Giao dịch khác	129.191.952	430.636.314
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Đồng Bắc		
Mua hàng hóa	22.091.000	-
Hỗ trợ chi phí bán hàng	86.823.768.881	76.410.541.056
Chi phí vật phẩm quảng cáo	6.747.641.491	5.915.741.040
Cổ tức đã nhận	24.974.468.974	28.872.972.000
Giao dịch khác	2.826.518.936	1.279.114.619
Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh		
Bán nguyên vật liệu	490.588.941.020	355.468.720.040
Cung cấp dịch vụ	1.554.115.788	1.554.115.788
Mua hàng hóa	1.284.454.684.620	1.034.216.420.880
Lợi nhuận được chia	49.626.233.659	53.915.331.916
Giao dịch khác	331.629.975	280.841.385
Công ty Cổ phần Bao bì Bia Sài Gòn		
Mua vật liệu bao bì	232.771.836.450	143.912.415.950
Công ty TNHH Một Thành Viên Tập Đoàn Bia Sài Gòn		
Bán nguyên vật liệu	937.463	-
Mua hàng hóa	1.285.836.000	-
Hỗ trợ chi phí bán hàng	54.974.180.024	-
Chi phí vật phẩm quảng cáo	1.512.540.000	-
Góp vốn	39.900.000.000	-

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2022	2021
	VND	VND
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Lâm Đồng		
Bán nguyên vật liệu	908.415.659.918	630.550.064.858
Cung cấp dịch vụ	23.058.000	-
Mua hàng hóa	2.369.399.962.970	1.892.349.971.530
Cổ tức đã nhận	21.165.000.000	10.582.500.000
Giao dịch khác	783.745.806	335.638.005
Các công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát		
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Khánh Hòa		
Bán nguyên vật liệu	277.210.617.190	219.868.905.558
Mua hàng hóa	687.039.271.270	651.936.032.700
Giao dịch khác	115.579.743	225.344.037
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang		
Bán nguyên vật liệu	426.200.166.761	254.929.614.741
Mua hàng hóa	1.134.943.493.990	775.502.006.090
Giao dịch khác	53.541.966	222.717.339
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung		
Bán nguyên vật liệu	476.491.444.503	377.953.135.021
Mua hàng hóa	1.417.094.941.070	1.278.856.530.700
Cổ tức đã nhận	33.660.770.500	24.043.407.500
Giao dịch khác	308.647.843	305.840.682
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ		
Bán nguyên vật liệu	272.880.860.232	212.286.436.586
Mua hàng hóa	656.439.445.070	645.269.426.340
Cổ tức đã nhận	5.068.125.000	5.068.125.000
Giao dịch khác	95.461.677	142.835.379
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long		
Bán nguyên vật liệu	419.428.503.067	261.558.490.683
Cung cấp dịch vụ	3.201.716.196	3.201.716.196
Mua hàng hóa	1.097.108.428.970	803.458.720.530
Cổ tức đã nhận	7.500.000.000	5.100.000.000
Giao dịch khác	9.049.697	262.768.395
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bến Tre		
Bán nguyên vật liệu	416.746.033.180	327.278.074.369
Mua hàng hóa	1.169.420.458.490	944.552.204.300
Cổ tức đã nhận	3.000.000.000	1.000.000.000
Giao dịch khác	58.334.574	368.597.247

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	2022	2021
	VND	VND
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây		
Bán nguyên vật liệu	715.673.570.927	422.928.005.520
Mua hàng hóa	1.886.988.653.950	1.266.326.352.670
Cổ tức đã nhận	7.186.150.000	-
Giao dịch khác	-	168.422.400
Công ty Liên doanh TNHH Crown Sài Gòn		
Mua vật liệu bao bì	2.636.683.964.817	1.794.556.108.984
Cổ tức đã nhận	-	136.091.200.930
Giao dịch khác	259.840	-
Công ty TNHH Bao Bì San Miguel Yamamura Phú Thọ		
Mua vật liệu bao bì	95.614.854.000	66.984.520.000
Cổ tức đã nhận	7.344.805.800	-
Giao dịch khác	314.133.644	-
Công ty TNHH Trung Tâm Mê Linh		
Mua dịch vụ	3.864.789.000	3.766.367.159
Cổ tức đã nhận	76.929.654.084	32.650.829.635
Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô		
Bán nguyên vật liệu	288.114.957.233	184.484.740.259
Mua hàng hóa	784.675.703.760	555.610.639.470
Cổ tức đã nhận	4.322.250.000	2.881.500.000
Giao dịch khác	22.934.652	642.435.892
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu		
Bán nguyên vật liệu	66.411.900.714	47.574.711.096
Mua hàng hóa	328.820.709.400	318.756.899.800
Giao dịch khác	-	33.295.500
Các bên liên quan khác		
Công ty TNHH Lon Nước Giải Khát TBC-Ball Việt Nam		
Mua vật liệu bao bì	1.396.221.766.154	883.610.338.066
Giao dịch khác	(169.800.000)	169.800.000
Công ty TNHH MM Mega Market (Việt Nam)		
Mua hàng hóa	1.211.693.901	3.984.597.749
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	3.099.629.420	-
Super Brands Company Pte. Ltd.		
Chi hộ Tổng Công ty	-	4.820.212.005
Fraser and Neave, Limited		
Chi hộ Tổng Công ty	46.567.151	1.718.509.256
InterBev (Singapore) Limited		
Bán hàng hóa	-	267.256.260

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2022	2021
	VND	VND
Chang International Co., Ltd.		
Chi hộ Tổng Công ty	3.610.841.299	4.764.149.269
Chang Beer Co., Ltd.		
Chi hộ Tổng Công ty	3.640.908.349	743.116.593
Công ty TNHH S.A.S. CTAMAD		
Cung cấp dịch vụ	45.549.000	55.899.997
Thipchalothorn Co., Ltd.		
Bán hàng hóa	390.089.520	-
C.A.I Co., Ltd.		
Mua dịch vụ	732.415.000	-
Dhospaak Co., Ltd.		
Mua dịch vụ	45.051.141	-
Thành viên Hội đồng Quản trị		
<i>Lương, thưởng và thù lao</i>		
Ông Koh Poh Tiong – Chủ tịch	-	-
Ông Pramoad Phornprapha – Thành viên	676.000.000	676.000.000
Ông Nguyễn Tiến Vy – Thành viên	988.000.000	988.000.000
Ông Michael Chye Hin Fah – Thành viên	676.000.000	676.000.000
Bà Trần Kim Nga – Thành viên	676.000.000	676.000.000
Ông Lê Thanh Tuấn – Thành viên	676.000.000	468.000.000
Bà Ngô Minh Châu – Thành viên	676.000.000	468.000.000
Ông Nguyễn Tiến Dũng – Thành viên	-	869.400.000
Ông Lương Thanh Hải – Thành viên	-	943.000.000
Ban Tổng Giám đốc		
Lương và thưởng	32.099.546.562	25.242.132.835
Ủy ban Kiểm toán		
Thù lao	1.014.000.000	1.014.000.000

37. Các giao dịch phi tiền tệ từ hoạt động đầu tư

	2022	2021
	VND	VND
Mua tài sản cố định nhưng chưa thanh toán	15.280.882.139	5.015.081.435

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

38. Sự kiện sau ngày trên Bảng cân đối kế toán

Tăng tỷ lệ sở hữu trong công ty liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Sau khi kết thúc kỳ kế toán năm, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty đã ban hành Quyết định vào ngày 8 tháng 2 năm 2023 thông qua chủ trương triển khai đề xuất nâng tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây – một công ty liên kết gián tiếp và Công ty Cổ phần Tập đoàn Bao bì Sài Gòn – một khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Sau khi hoàn tất, hai công ty kể trên sẽ trở thành công ty con của Tổng Công ty.

39. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2022 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Ngày 29 tháng 3 năm 2023

Người lập:



Nguyễn Văn Hòa
Kế toán

Người duyệt:



Trần Nguyên Trung
Kế toán trưởng



Koo Liang Kwee
Phó Tổng Giám đốc



Neó Gim Siong Bennett
Tổng Giám đốc

